



CÔNG TY TNHH MTV LÂM NGHIỆP DI LINH

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025

Được kiểm toán bởi:

CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN Á ÂU
TẠI NHA TRANG

Địa chỉ: 387/6 Lê Hồng Phong, phường Nam Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

**CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN Á ÂU TẠI
NHA TRANG**

PHẦN MỤC LỤC

(Báo cáo kiểm toán số: 16/BCTC-AEA-NT ngày 16/07/2025)

<u>Stt</u>	<u>Nội dung</u>	<u>Trang</u>
1.	BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	01-02
2.	BÁO CÁO KIỂM TOÁN	03-04
3.	BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	05-06
4.	BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH	07
5.	BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	08-09
6.	THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10-19

CÔNG TY TNHH MTV LÂM NGHIỆP DI LINH

Km93, Quốc lộ 28, Thôn K' Long Trao II, Xã Di Linh, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Hội đồng thành viên và Ban Giám đốc Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Di Linh (sau đây gọi tắt là 'Công ty') trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025.

1. Công ty

Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Di Linh (sau đây gọi tắt là "Công ty") là công ty 100% vốn Nhà nước, được chuyển đổi từ Công ty Lâm nghiệp Di Linh (theo Quyết định số 1408/QĐ-UBND ngày 30/06/2010 của UBND tỉnh Lâm Đồng). Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5800000449 đăng ký lần đầu ngày 11/01/2006 được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lâm Đồng cấp, cấp sửa đổi gần nhất ngày 29/04/2010.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi gần nhất là 190.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Một trăm chín mươi tỷ đồng).

2. Trụ sở chính

Km93, Quốc lộ 28, Thôn K' Long Trao II, Xã Di Linh, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

3. Hoạt động kinh doanh chính

* Trong kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025, hoạt động kinh doanh chính của Công ty là Hoạt động QLBV; hoạt động khai thác chế biến gỗ thành phẩm từ rừng trồng và hoạt động kinh doanh xăng dầu.

4. Thông tin về chủ sở hữu

Tên tổ chức: Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng

Địa chỉ: Số 4 Trần Hưng Đạo, Phường Xuân Hương Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

5. Ban lãnh đạo Công ty

Hội đồng thành viên, Ban Giám đốc và Kiểm soát viên đã điều hành Công ty trong kỳ kế toán và đến ngày lập báo cáo này như sau:

a. Hội đồng thành viên

- Ông Lê Thành Thái	Chủ tịch HĐQT- Người đại diện theo pháp luật của Công ty
- Ông Trần Hoàng Nhất	Thành viên
- Ông Vĩnh Sơn	Thành viên
- Ông Phạm Hữu Hào	Thành viên
- Ông Nguyễn Duy Hùng	Thành viên

b. Ban Giám đốc

- Ông Trương Văn Hiếu	Giám đốc
- Ông Hàn Văn Nam	Phó Giám đốc

c. Kiểm soát viên

- Ông Phạm Hòa Nam	Trưởng ban kiểm soát
--------------------	----------------------

6. Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ

Theo nhận định của Hội đồng thành viên và Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có bất kỳ một nghiệp vụ, một sự kiện, một vấn đề bất thường phát sinh từ sau ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày lập báo cáo này có ảnh hưởng trọng yếu đến ý kiến của HĐQT và Ban Giám đốc, đến kết quả hoạt động của Công ty trong năm tài chính hiện hành.

CÔNG TY TNHH MTV LÂM NGHIỆP DI LINH

Km93, Quốc lộ 28, Thôn K' Long Trao II, Xã Di Linh, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

7. Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

HĐTV và Ban Giám đốc chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng.
- Các chuẩn mực kế toán được tuân thủ, không có những áp dụng sai lệch đến mức cần phải được công bố và giải thích cho báo cáo tài chính này; những nội dung cần thuyết minh đã được thuyết minh cho báo cáo tài chính.
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành.
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục.

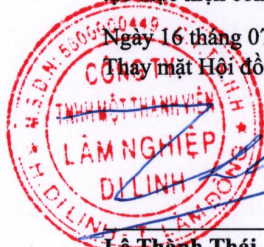
Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính tổng hợp của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tổng hợp được lập phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty, các xét đoán và ước tính chi phí quan trọng và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

8. Kiểm toán độc lập

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán Á Âu tại Nha Trang được chỉ định thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính niên độ từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 đến ngày 30 tháng 06 năm 2025 và bày tỏ nguyện vọng tiếp tục thực hiện công tác kiểm toán cho Công ty.

Ngày 16 tháng 07 năm 2025

Thay mặt Hội đồng thành viên



Lê Thanh Thái

Chủ tịch Hội đồng thành viên



CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN Á ÂU TẠI NHA
TRANG (AEA,LTD-NHA TRANG)

387/6 Lê Hồng Phong - phường Nam Nha Trang - tỉnh Khánh Hòa

Nha Trang, ngày 16 tháng 07 năm 2025

Số 16/BCTC-AEA-NT

BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ TỪ 01/01/2025 ĐẾN 30/06/2025
CỦA CÔNG TY TNHH MTV LÂM NGHIỆP DI LINH**

Kính gửi:

**Hội đồng thành viên và Ban Giám đốc CÔNG TY TNHH MTV
LÂM NGHIỆP DI LINH**

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính giữa niên độ cho Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp DI LINH từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 đến ngày 30 tháng 06 năm 2025 bao gồm Bảng cân đối kế toán, Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính từ trang 03 đến trang 18 kèm theo.

Trách nhiệm của Chủ tịch HĐQT, Ban Giám Đốc và Kiểm Toán Viên

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Hội đồng thành viên và Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các Báo cáo tài chính này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo đúng các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính, đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các xét đoán và ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các Báo cáo tài chính, công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với Báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã tạo ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Giới hạn của cuộc kiểm toán

Do chúng tôi được chỉ định cuộc kiểm toán sau ngày kết thúc kỳ kế toán, Kiểm toán viên không tham gia chứng kiến kiểm kê tiền mặt, kiểm kê tài sản cố định tại ngày 30 tháng 06 năm 2025. Với tài liệu được cung cấp, các thủ tục kiểm toán bổ sung cũng không cho phép chúng tôi kiểm tra được tính hiện hữu của chi tiêu tiền mặt tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2025, tính đúng đắn về số lượng cũng như tình trạng của tài sản cố định tại thời điểm 30 tháng 06 năm 2025.

Do đặc thù hoạt động kinh doanh của Công ty trong lĩnh vực Lâm nghiệp, chúng tôi không thể chứng kiến kiểm kê toàn bộ diện tích rừng trồng của Công ty tại ngày 30/06/2025. Chúng tôi không thể thực hiện các thủ tục kiểm toán thay thế để xác nhận tính hiện hữu của diện tích rừng trồng này tại thời điểm trên cũng như ảnh hưởng của chúng đến các khoản mục khác trong Báo cáo tài chính cuối niên

Cho đến thời điểm lập báo cáo này, chúng tôi chưa nhận được đầy đủ thông tin cần thiết để đối chiếu, xác nhận các khoản công nợ phải thu, phải trả đã trình bày trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2025. Doanh thu QLBRV tạm ghi nhận theo đơn giá kế hoạch năm 2025 đã được UBND tỉnh phê duyệt theo Quyết định 569/QĐ-UBND ngày 20/03/2025. Doanh thu cung ứng DVMTR tạm ghi nhận theo Quyết định 1326/QĐ-UBND ngày 23/06/2025 về việc phê duyệt kế hoạch thu chi kinh phí dịch vụ môi trường rừng tỉnh Lâm Đồng năm 2025.

Ý kiến

Theo ý kiến chúng tôi, ngoại trừ những ảnh hưởng (nếu có) của các khoản mục đã nêu trên, báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Di Linh từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 đến ngày 30 tháng 06 năm 2025, phù hợp với các chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

ĐẠI DIỆN CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN Á ÂU TẠI NHÀ TRANG



TRẦN VŨ NGUYỄN HÀ

Giám đốc

Giấy CNDKHN kiểm toán số: 2333-2023-111-1

NGUYỄN THỊ THANH HOA

Kiểm toán viên Việt Nam

Giấy CNDKHN kiểm toán số: 6084-2025-111-1

CÔNG TY TNHH MTV LÂM NGHIỆP DI LINH

Km93, Quốc lộ 28, Thôn K' Long Trao II, Xã Di Linh, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		44.995.584.746	47.591.518.007
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	899.082.502	4.941.749.397
Tiền	111		899.082.502	4.941.749.397
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		32.000.000.000	29.000.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	131	V.02	32.000.000.000	29.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		9.308.498.694	11.430.010.272
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.03	7.013.477.678	9.385.582.178
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.04	535.560.000	372.140.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	V.05	1.759.461.016	1.672.288.094
Hàng tồn kho	140	V.06	2.470.114.938	1.818.676.181
Hàng tồn kho	141		2.470.114.938	1.818.676.181
Tài sản ngắn hạn khác	150		317.888.612	401.082.157
Chi phí trả trước ngắn hạn	222	V.07	22.259.526	32.389.659
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.08	295.629.086	368.692.498
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		169.900.236.135	170.036.773.978
Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
Tài sản cố định	220		14.980.511.026	12.868.853.878
TSCĐ hữu hình	221	V.09	12.287.305.488	12.868.853.878
Nguyên giá	222		32.692.137.123	32.853.652.191
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(20.404.831.635)	(19.984.798.313)
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.10	2.693.205.538	679.848.001
Bất động sản đầu tư	411		-	-
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	421		-	-
Tài sản dài hạn khác	260		154.919.725.109	156.488.072.099
Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11	416.944.535	472.896.179
Tài sản dở dang dài hạn khác	268	V.12	154.502.780.574	156.015.175.920
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		214.895.820.881	217.628.291.985

CÔNG TY TNHH MTV LÂM NGHIỆP DI LINH

Km93, Quốc lộ 28, Thôn K' Long Trao II, Xã Di Linh, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	THUYẾT MINH	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
NỢ PHẢI TRẢ	300	10.218.938.923	5.426.496.701
Nợ ngắn hạn	310	8.413.720.375	3.599.646.461
Phải trả người bán ngắn hạn	311 V.13	294.267.378	67.972.938
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312 V.14	5.206.484.841	319.631.431
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313 V.15	412.193.793	299.349.603
Phải trả người lao động	314 V.16	1.374.991.148	2.560.303.362
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	-	66.275.184
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322 V.17	1.125.783.215	286.113.943
Nợ dài hạn	330	1.805.218.548	1.826.850.240
Phải trả dài hạn khác	337 V.18	1.256.144.250	1.256.144.250
Quỹ phát triển khoa học công nghệ	343 V.19	549.074.298	570.705.990
VỐN CHỦ SỞ HỮU		204.676.881.958	212.201.795.284
Vốn chủ sở hữu	410 V.20	195.785.306.493	197.431.395.821
Vốn góp của chủ sở hữu	411	8.617.730.943	8.617.730.943
Vốn khác của chủ sở hữu	414	175.066.145.075	175.066.145.075
Quỹ đầu tư phát triển	418	11.833.309.601	11.833.309.601
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419	(90.666.667)	(90.666.667)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	281.453.646	1.927.542.974
Nguồn vốn đầu tư XDCB	422	77.333.895	77.333.895
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430	8.891.575.465	14.770.399.463
Nguồn kinh phí	431 V.21	8.511.742.841	14.491.027.764
Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432 V.22	379.832.624	279.371.699
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		214.895.820.881	217.628.291.985

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính

Người lập

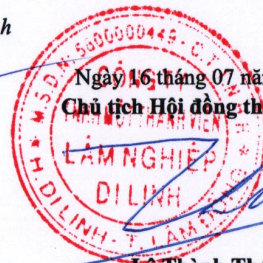
Lê Thị Mai Thảo

Kế toán trưởng

Lê Thị Kiều Thu

Ngày 16 tháng 07 năm 2025

Chủ tịch Hội đồng thành viên



Lê Thành Thái

CÔNG TY TNHH MTV LÂM NGHIỆP DI LINH

Km93, Quốc lộ 28, Thôn K' Long Trao II, Xã Di Linh, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.23	18.843.953.183	22.993.707.193
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		18.843.953.183	22.993.707.193
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.24	15.007.917.060	18.180.279.721
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		3.836.036.123	4.813.427.472
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.25	670.136.288	230.499.792
7. Chi phí tài chính	22		-	-
- Trong đó : Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	24	VI.26	159.543.481	240.410.893
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.27	3.981.455.192	3.445.924.584
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		365.173.738	1.357.591.787
11. Thu nhập khác	31	VI.28	143.320	268.146.897
12. Chi phí khác	32	VI.29	10.800.000	12.225.926
13. Lợi nhuận khác	40		(10.656.680)	255.920.971
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		354.517.058	1.613.512.758
15. Chi phí Thuế TNDN hiện hành	51	VI.30	73.063.412	322.702.552
16. Chi phí Thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		281.453.646	1.290.810.206
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		-	-

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính.

Người lập

Lê Thị Mai Thảo

Kế toán trưởng

Lê Thị Kiều Thu

Ngày 16 tháng 07 năm 2025

Chủ tịch Hội đồng thành viên



Lê Thành Thái

CÔNG TY TNHH MTV LÂM NGHIỆP DI LINH

Km93, Quốc lộ 28, Thôn K' Long Trao II, Xã Di Linh, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (PP TRỰC TIẾP)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	KỲ NÀY (30/06/2025)	KỲ TRƯỚC (30/06/2024)
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1 Tiền thu từ bán hàng, CC DV và doanh thu khác	01		25.877.978.383	40.532.378.128
2 Tiền chi trả cho người cung cấp HH và DV	02		(6.950.884.188)	(13.999.273.444)
3 Tiền chi trả cho người lao động	03		(6.203.803.389)	(11.963.638.815)
4 Tiền chi trả lãi vay	04		-	-
5 Tiền chi nộp thuế Thu nhập doanh nghiệp	05		-	(804.800.000)
6 Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		4.125.569.496	10.733.293.949
7 Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(15.918.077.975)	(24.392.087.956)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh	20		930.782.327	105.871.862
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1 Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21		(2.103.658.717)	(3.119.817.514)
2 Tiền thu từ TLÝ, nhượng bán TSCĐ và các TS DH khác	22		-	139.600.000
3 Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(3.000.000.000)	(10.000.000.000)
4 Tiền thu hồi cho vay, bán lại các CC nợ của đơn vị khác	24		-	13.500.000.000
5 Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6 Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7 Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		130.209.495	1.575.391.236
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(4.973.449.222)	2.095.173.722
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1 Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
2 Tiền thu từ đi vay	33		-	-
4 Tiền trả nợ gốc vay	34		-	-
5 Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6 Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50		(4.042.666.895)	2.201.045.584
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		4.941.749.397	2.740.703.813
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		899.082.502	4.941.749.397

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính.

Người lập
Lê Thị Mai ThảoLê Thị Kiều Thu
Kế toán trưởng

Ngày 16 tháng 07 năm 2025

Lê Thành Thái
Chủ tịch Hội đồng thành viên

CÔNG TY TNHH MTV LÂM NGHIỆP DI LINH

Km93, Quốc lộ 28, Thôn K' Long Trao II, Xã Di Linh, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Di Linh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty 100% vốn Nhà nước, được chuyển đổi từ Công ty Lâm nghiệp Di Linh (theo Quyết định số 1408/QĐ-UBND ngày 30/06/2010 của UBND tỉnh Lâm Đồng). Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5800000449 đăng ký lần đầu ngày 11/01/2012 được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lâm Đồng cấp, cấp sửa đổi gần nhất ngày 29/04/2020.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi gần nhất là 190.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Một trăm chín mươi tỷ đồng).

Công ty có trụ sở đặt tại: Km93, Quốc lộ 28, Thôn K' Long Trao II, Xã Di Linh, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

2. Ngành nghề, lĩnh vực kinh doanh:

- + Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp;
- + Trồng cây cao su; Chăn nuôi khác; Nuôi trồng thủy sản nội địa;
- + Khai thác cát, đá, sỏi, đất sét;
- + Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ;
- + Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác; Sản xuất đồ gỗ xây dựng; Sản xuất bao bì bằng gỗ;
- + Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm rạ và vật liệu tết bện;
- + Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- + Bán buôn nhiều liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan;
- + Bán buôn kim loại và quặng kim loại (trong danh mục Nhà nước cho phép);
- + Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- + Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu;
- + Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- + Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế nha khoa chỉnh hình và phục hồi chức năng. Chi tiết: Sản xuất dụng cụ y tế từ gỗ (trừ tái chế phế thải, xi mạ điện và gia công cơ khí tại trụ sở);
- + Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình;
- + Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp;
- + Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- + Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: Tư vấn thiết kế, thi công xây dựng các công trình nông, lâm nghiệp;
- + Đại lý du lịch. Chi tiết: Dịch vụ du lịch sinh thái;
- + Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm; Trồng cây lâu năm khác;
- + Nhân và chăm sóc cây giống hàng năm; Nhân và chăm sóc cây giống lâu năm;
- + Trồng rừng, chăm sóc rừng và ương giống cây lâm nghiệp;
- + Khai thác gỗ; Khai thác lâm sản khác trừ gỗ.

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:

Đơn vị sử dụng đồng Việt Nam (VND) trong hạch toán kế toán.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư 200/2014/QĐ-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp này.

CÔNG TY TNHH MTV LÂM NGHIỆP DI LINH

Km93, Quốc lộ 28, Thôn K' Long Trao II, Xã Di Linh, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025

3. Hình thức sổ kế toán áp dụng: Nhật ký chung

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc xác định các khoản tiền

Nguyên tắc xác định các khoản tiền và các khoản tương đương tiền:

Là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

2. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn bao gồm quyền sở hữu [các loại cổ phiếu, công trái, các loại chứng khoán có tính thanh khoản cao khác được niêm yết, các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn] có thể dễ dàng chuyển đổi thành tiền mặt và có thời gian đầu tư dự kiến không quá một năm. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc (bao gồm giá mua cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua). Lãi thu được từ các khoản đầu tư tài chính được ghi nhận trên doanh thu hoạt động tài chính.

3. Nguyên tắc kế toán Nợ các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi (nếu có);

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập bảng cân đối kế toán. Dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được tính vào chi phí quản lý kinh doanh trong kỳ.

4. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

a. Nguyên tắc ghi nhận tồn kho:

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

b. Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: Nhập trước xuất trước

c. Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Kế khai thường xuyên

d. Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (TSCĐ)

a. TSCĐ hữu hình:

** Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình:*

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được tính vào giá trị tài sản, chi phí bảo trì sửa chữa được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi (lỗ) nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

CÔNG TY TNHH MTV LÂM NGHIỆP DI LINH

Km93, Quốc lộ 28, Thôn K' Long Trao II, Xã Di Linh, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

** Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình:*

Công ty quản lý, sử dụng và trích khấu hao Tài sản cố định theo hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25/4/2013; Thông tư sửa đổi số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016, Thông tư sửa đổi số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 và Thông tư số 23/2023/TT-BTC ngày 25/04/2023 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, tính hao mòn, khấu hao TSCĐ tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và TSCĐ do Nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp.

Các tài sản cố định hữu hình phục vụ quản lý được khấu hao theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao cụ thể như sau:

TSCĐ hữu hình:	Năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	05-25
Máy móc, thiết bị	05-20
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	06-15
Thiết bị, dụng cụ quản lý	08
TSCĐ khác	05-20

b. TSCĐ vô hình:

Công ty không có TSCĐ vô hình.

6. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên Bảng cân đối kế toán được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

7. Nguyên tắc kế toán chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan (nếu có) phù hợp với chính sách kế toán của Công ty.

8. Nguyên tắc kế toán Nợ các khoản phải trả

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được, bao gồm:

** Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (tổ chức, cá nhân) là đơn vị độc lập với Công ty.*

** Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả từ thực hiện giao dịch không mang tính thương mại.*

9. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Chi phí phải trả hạch toán vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ phải được tính toán chặt chẽ và phải có bằng chứng tin cậy, hợp lý.

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực góp của chủ sở hữu.

Vốn khác của chủ sở hữu là vốn do nhà nước cấp kinh phí đầu tư vào giá trị rừng trồng được ghi nhận theo từng năm sau khi được UBND tỉnh phê duyệt quyết toán công trình lâm sinh hình thành từ các năm trước.

11. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

a. Doanh thu bán hàng:

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;

- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;

CÔNG TY TNHH MTV LÂM NGHIỆP DI LINH

Km93, Quốc lộ 28, Thôn K' Long Trao II, Xã Di Linh, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

b. Doanh thu cung cấp dịch vụ:

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn 4 điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành;
- Xác định được chi phí phát sinh và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

c. Doanh thu hoạt động tài chính:

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Sáu tháng đầu năm 2024, Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu đặt hàng quản lý bảo vệ rừng (nguồn kinh phí từ Sở Tài chính; Quỹ bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Lâm Đồng); Doanh thu bán hàng hóa (xăng, dầu) và doanh thu từ hoạt động bán các sản phẩm gỗ từ rừng trồng. Doanh thu hoạt động tài chính là lãi tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không kỳ hạn.

12. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn

Giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ tiêu thụ được ghi nhận đúng kỳ, theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu.

13. Nguyên tắc ghi nhận chi phí quản lý doanh nghiệp

Ghi nhận các khoản chi phí thực tế phát sinh liên quan đến quản lý chung của doanh nghiệp trong kỳ.

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính là số thuế thu nhập phải nộp trong năm;

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành thể hiện số thuế phải nộp trong năm tài chính theo thuế suất được áp dụng vào ngày kết thúc năm tài chính bao gồm cả thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong kỳ tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền	Cuối kỳ (30/06/2025)	Đầu kỳ (01/01/2025)
<i>Tiền mặt tại quỹ</i>	72.303.961	264.833.870
+ Tiền mặt tại quỹ VNĐ	72.303.961	264.833.870
+ Tiền mặt tại quỹ ngoại tệ	-	-
<i>Tiền gửi ngân hàng VNĐ</i>	826.778.541	4.676.915.527
<i>Tiền gửi ngân hàng Ngoại tệ</i>	-	-
<i>Tiền đang chuyển</i>	-	-
<i>Các khoản tương đương tiền</i>	-	-
Tổng cộng	899.082.502	4.941.749.397

CÔNG TY TNHH MTV LÂM NGHIỆP DI LINH

Km93, Quốc lộ 28, Thôn K' Long Trao II, Xã Di Linh, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025

2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	Cuối kỳ (30/06/2025)	Đầu kỳ (01/01/2025)
Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng	32.000.000.000	29.000.000.000
Tổng cộng	32.000.000.000	29.000.000.000
3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	Cuối kỳ (30/06/2025)	Đầu kỳ (01/01/2025)
Công ty TNHH Khai thác Chế biến Lâm sản Đà Lạt	199.181.000	-
Công ty TNHH SXTM Dịch vụ và Vận chuyển Hải Minh Phú	1.009.498.849	963.291.299
Công ty CP Đầu tư Trang My Đạt	162.483.000	162.483.000
Công Ty TNHH Thương Mại Sản Xuất Gỗ Bao Bì Đức Huy	-	34.074.900
Công Ty TNHH Kinh Doanh Thương Mại Và Dịch Vụ Vinfast	19.800.000	19.800.000
Doanh Nghiệp TN Quốc Hưng Di Linh	207.458.300	-
Công ty TNHH Gỗ Hoàng Minh Châu	201.871.872	-
CN Công ty TNHH Lạc Việt - Phân xưởng Bá Lạc	139.244.000	-
Các đối tượng khác	5.073.940.657	8.205.932.979
Tổng cộng	7.013.477.678	9.385.582.178
4. Trả trước cho người bán ngắn hạn	Cuối kỳ (30/06/2025)	Đầu kỳ (01/01/2025)
Công Ty TNHH An Toàn Việt	200.000.000	200.000.000
Công Ty TNHH SXTM DV và Vận Chuyển Hải Minh Phú	-	-
Lê Văn Thọ	35.560.000	35.560.000
Công ty TNHH XDTM Thành Tâm An	300.000.000	-
Công ty TNHH Kinh doanh Hoàng Gia II	-	68.580.000
Công ty TNHH Trắc Địa Sài Gòn	-	68.000.000
Tổng cộng	535.560.000	372.140.000
5. Phải thu ngắn hạn khác	Cuối kỳ (30/06/2025)	Đầu kỳ (01/01/2025)
Tạm ứng	1.010.077.200	862.715.151
Phải thu khác (lãi dự thu-thu hộ thuế TNCN)	749.383.816	809.572.943
Tổng cộng	1.759.461.016	1.672.288.094
6. Hàng tồn kho	Cuối kỳ (30/06/2025)	Đầu kỳ (01/01/2025)
Nguyên liệu, vật liệu	141.972.468	162.583.488
Công cụ dụng cụ	7.692.944	5.405.274
Chi phí SXKD dở dang ngắn hạn	334.556.524	-
Thành phẩm	1.793.942.441	1.523.378.114
Hàng hóa	191.950.561	127.309.305
Cộng giá gốc hàng tồn kho	2.470.114.938	1.818.676.181
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Giá trị thuần có thể thực hiện được	2.470.114.938	1.818.676.181
7. Chi phí trả trước ngắn hạn	Cuối kỳ (30/06/2025)	Đầu kỳ (01/01/2025)
Công cụ, dụng cụ ngắn hạn chờ phân bổ	22.259.526	32.389.659
Tổng cộng	22.259.526	32.389.659

CÔNG TY TNHH MTV LÂM NGHIỆP DI LINH

Km93, Quốc lộ 28, Thôn K' Long Trao II, Xã Di Linh, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025

8.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		Cuối kỳ (30/06/2025)	Đầu kỳ (01/01/2025)	
	Thuế TNDN nộp thừa		295.629.086	368.389.666	
	Tổng cộng		295.629.086	368.389.666	
9.	Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình				
	Nguyên giá	Đầu kỳ	Tăng	Giảm	Cuối kỳ
	Nhà cửa, vật kiến trúc	22.151.737.774		-	22.151.737.774
	Máy móc thiết bị	4.622.134.386	247.088.750	-	4.869.223.136
	Phương tiện vận tải	5.040.129.382		450.503.818	4.589.625.564
	TSCĐ khác	1.039.650.649	41.900.000	-	1.081.550.649
	Tổng	32.853.652.191	288.988.750	450.503.818	32.692.137.123
	Khấu hao lũy kế				
	Nhà cửa, vật kiến trúc	11.984.660.155	611.987.976	-	12.596.648.131
	Máy móc thiết bị	3.359.962.778	108.174.632	-	3.468.137.410
	Phương tiện vận tải	4.019.788.709	107.273.972	450.503.818	3.676.558.863
	TSCĐ khác	620.386.671	43.100.560	-	663.487.231
	Tổng	19.984.798.313	870.537.140	450.503.818	20.404.831.635
	Giá trị còn lại				
	Nhà cửa, vật kiến trúc	10.167.077.619	-	-	9.555.089.643
	Máy móc thiết bị	1.262.171.608	-	-	1.401.085.726
	Phương tiện vận tải	1.020.340.673	-	-	913.066.701
	TSCĐ khác	419.263.978	-	-	418.063.418
	Tổng	12.868.853.878	-	-	12.287.305.488
10.	Chi phí XDCB dở dang		Cuối kỳ (30/06/2025)	Đầu kỳ (01/01/2025)	
	Xây dựng cơ bản		29.948.270	-	
	Trồng và chăm sóc rừng thông		2.525.319.608	679.848.001	
	Trồng và chăm sóc cây Mắc ca		137.937.660	-	
	Tổng cộng		2.693.205.538	679.848.001	
11.	Chi phí trả trước dài hạn		Cuối kỳ (30/06/2025)	Đầu kỳ (01/01/2025)	
	CCDC dài hạn chờ phân bổ		416.944.535	472.896.179	
	Tổng cộng		416.944.535	472.896.179	
12.	Tài sản dở dang dài hạn khác (*)		Cuối kỳ (30/06/2025)	Đầu kỳ (01/01/2025)	
	Trồng rừng sau KTT và chăm sóc rừng trồng các năm		145.381.635.302	148.585.242.262	
	Trồng rừng sau KTT và chăm sóc rừng trồng các năm 2019		3.245.210.302	3.245.210.302	
	Trồng rừng sau KTT và chăm sóc rừng trồng các năm 2020		3.049.870.911	2.457.890.320	
	Trồng rừng sau KTT và chăm sóc rừng trồng các năm 2021		2.826.064.059	2.334.780.969	
	Tổng cộng		154.502.780.574	156.623.123.853	

CÔNG TY TNHH MTV LÂM NGHIỆP DI LINH

Km93, Quốc lộ 28, Thôn K' Long Trao II, Xã Di Linh, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025

(*) Tài sản dở dang dài hạn khác là các khoản chi phí SXKD dở dang (chi phí trồng và chăm sóc rừng trồng) theo Kế hoạch của UBND tỉnh Lâm Đồng, mang tính chất dài hạn.

	Cuối kỳ (30/06/2025)	Đầu kỳ (01/01/2025)
13. Phải trả người bán ngắn hạn		
Công ty TNHH Đức Trung Lâm Đồng	5.000.000	5.000.000
Công Ty TNHH Kiến Trúc Cao Nguyên Xanh	22.348.448	22.348.448
Công Ty TNHH Sản Xuất TMDV và Vận Chuyển Hải Minh Phú	50.524.600	32.428.490
Công Ty TNHH Thiết Bị Khánh Đăng	-	4.196.000
Công Ty TNHH Xây Dựng Và Dịch Vụ Minh Hoàng LN	4.000.000	4.000.000
Công Ty TNHH Khai Thác Chế Biến Lâm Sản Đà Lạt	8.066.111	-
Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Lạc Việt	17.660.400	-
Lê Ánh Loan	45.863.400	-
Doanh Nghiệp TN Quốc Hưng Di Linh	72.316.110	-
Công Ty TNHH Tiến Dũng	25.620.000	-
CN Công Ty TNHH Lạc Việt - Phan Xường Bá Lạc	36.792.500	-
Khác	6.075.809	-
Tổng cộng	294.267.378	67.972.938
14. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		
Công Ty TNHH Công Nghiệp Phú Minh Trí	100.000.000	100.000.000
Công Ty TNHH Tân Liên Thành	-	36.645.204
Công Ty Cổ Phần Long Đình	-	127.500.000
Công Ty Cổ Phần Thương Mại Và XNK Nông Sản Tây Nam Bộ	50.000.000	50.000.000
Công ty TNHH TMSX Gỗ Bao bì Đức Huy	50.000.800	-
Đỗ Ngọc Luyến	100.000.000	-
Nguyễn Hữu Hưng	130.000.000	-
Sở Tài chính Lâm Đồng	4.770.994.914	-
Các đối tượng khác	5.489.127	5.486.227
Tổng cộng	5.206.484.841	319.631.431
15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		
Thuế GTGT	328.795.310	285.216.508
Thuế TNCN	82.065.150	12.799.762
Thuế khác	1.333.333	1.333.333
Tổng cộng	412.193.793	299.349.603
16. Phải trả người lao động		
Lương phải trả Ban điều hành, HĐTV-KSV	585.780.000	998.980.000
Lương phải trả nhân viên	789.211.148	1.561.323.362
Tổng cộng	1.374.991.148	2.560.303.362
17. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	1.125.783.215	286.113.943
Tổng cộng	1.125.783.215	286.113.943
18. Phải trả dài hạn khác		
Phải trả dự án Fritch	1.256.144.250	1.256.144.250
Tổng cộng	1.256.144.250	1.256.144.250

CÔNG TY TNHH MTV LÂM NGHIỆP DI LINH

Km93, Quốc lộ 28, Thôn K' Long Trao II, Xã Di Linh, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025

19. Quỹ phát triển khoa học công nghệ	Cuối kỳ (30/06/2025)	Đầu kỳ (01/01/2025)
Quỹ phát triển khoa học công nghệ	549.074.298	570.705.990
Tổng cộng	549.074.298	570.705.990

20. Vốn chủ sở hữu**a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa PP và các quỹ
Số dư đầu năm trước	8.617.730.943	2.130.883.734
Góp vốn trong năm	-	-
Lãi trong năm	-	1.927.542.974
Trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	(2.130.883.734)
Điều chỉnh giảm khác	-	-
Số dư cuối năm trước	8.617.730.943	1.927.542.974
Số dư đầu năm nay	8.617.730.943	1.927.542.974
Góp vốn trong năm	-	-
Lãi trong kỳ	-	281.453.646
Phân phối LN (*)	-	(1.927.542.974)
Điều chỉnh tăng khác	-	-
Điều chỉnh giảm khác	-	-
Số dư cuối kỳ	8.617.730.943	281.453.646

	Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	Nguồn vốn đầu tư XDCB	Quỹ đầu tư phát triển	Vốn khác của chủ sở hữu
Số dư đầu năm	-90.666.667	77.333.895	11.833.309.601	175.066.145.075
Tăng trong năm	-	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-	-
Số dư cuối năm	(90.666.667)	77.333.895	11.833.309.601	175.066.145.075

(*) Công ty tạm trích lập Quỹ phúc lợi từ kết quả SXKD năm 2025.

b. Vốn pháp định

Giấy phép kinh doanh	Vốn góp đến 30/06/2025
VND	Tổng cộng VND
190.000.000.000	183.683.876.018
190.000.000.000	183.683.876.018

(Vốn pháp định (vốn điều lệ) ghi nhận theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp tại lần thay đổi gần nhất. Vốn góp đến 30/06/2025 ghi nhận theo số vốn mà doanh nghiệp tổng hợp trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 30/06/2025 và chưa xét đến các yếu tố ảnh hưởng khác (nếu có).

21. Nguồn kinh phí	Cuối kỳ (30/06/2025)	Đầu kỳ (01/01/2025)
Nguồn kinh phí sự nghiệp năm nay	2.648.674.108	11.146.372.695
Nguồn tái tạo rừng sau KTT và T09	7.754.457.713	7.754.457.713
Nguồn vốn rừng đề án	34.291.998	34.291.998
Nguồn vốn đầu tư công trồng rừng đất trống	1.476.889.184	1.476.889.184

CÔNG TY TNHH MTV LÂM NGHIỆP DI LINH

Km93, Quốc lộ 28, Thôn K' Long Trao II, Xã Di Linh, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025

Nguồn dịch vụ môi trường rừng	-	-
Chi sự nghiệp	(3.402.570.162)	(5.920.983.826)
Tổng cộng	8.511.742.841	14.491.027.764
22. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	Cuối kỳ (30/06/2025)	Đầu kỳ (01/01/2025)
Nguồn kinh phí đầu năm	279.371.699	315.177.330
Nguồn kinh phí tăng trong năm	136.580.000	-
Nguồn kinh phí giảm trong năm (<i>hao mòn TSCĐ</i>)	(36.119.075)	(35.805.631)
Nguồn kinh phí cuối năm	379.832.624	279.371.699
VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH.		
	Kỳ này (30/06/2025)	Kỳ trước (30/06/2024)
23. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	18.843.953.183	22.993.707.193
Trong đó:		
Doanh thu QLBVR theo đơn giá Nhà nước đặt hàng	7.181.709.502	3.664.499.030
Doanh thu khai thác, chế biến gỗ thành phẩm	6.903.239.239	12.154.172.344
Doanh thu bán hàng hóa	4.722.422.193	7.057.327.233
Doanh thu khác	36.582.249	117.708.586
Các khoản giảm trừ doanh thu:	-	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	18.843.953.183	22.993.707.193
24. Giá vốn hàng bán	Kỳ này (30/06/2025)	Kỳ trước (30/06/2024)
Giá vốn hàng bán trong kỳ	15.007.917.060	18.180.279.721
Tổng cộng	15.007.917.060	18.180.279.721
25. Doanh thu hoạt động tài chính	Kỳ này (30/06/2025)	Kỳ trước (30/06/2024)
Lãi tiền gửi ngân hàng	670.136.288	230.499.792
Tổng cộng	670.136.288	230.499.792
26. Chi phí bán hàng	Kỳ này (30/06/2025)	Kỳ trước (30/06/2024)
Chi phí bán hàng	159.543.481	240.410.893
Tổng cộng	159.543.481	240.410.893
27. Chi phí quản lý doanh nghiệp	Kỳ này (30/06/2025)	Kỳ trước (30/06/2024)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	3.981.455.192	3.445.924.584
Tổng cộng	3.981.455.192	3.445.924.584
28. Thu nhập khác	Kỳ này (30/06/2025)	Kỳ trước (30/06/2024)
Thu nhập khác	143.320	268.146.897
Tổng cộng	143.320	268.146.897
29. Chi phí khác	Kỳ này (30/06/2025)	Kỳ trước (30/06/2024)
Chi phí khác	10.800.000	12.225.926
Tổng cộng	10.800.000	12.225.926
30. Chi phí thuế TNDN hiện hành	Kỳ này (30/06/2025)	Kỳ trước (30/06/2024)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	354.517.058	1.613.512.758
+ Các khoản điều chỉnh tăng LN kế toán (các khoản chi không được trừ)	10.800.000	-
+ Các khoản điều giảm LN kế toán:	-	-

CÔNG TY TNHH MTV LÂM NGHIỆP DI LINH

Km93, Quốc lộ 28, Thôn K' Long Trao II, Xã Di Linh, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025

Thu nhập chịu thuế	365.317.058	1.613.512.758
+ Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Thuế TNDN tính theo thuế suất phổ thông	73.063.412	322.702.552
Thuế TNDN được giảm	-	-
Thuế TNDN phải nộp trong năm	<u>73.063.412</u>	<u>322.702.552</u>

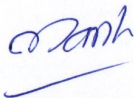
VII. Những thông tin khác**1. Các sự kiện sau ngày kết thúc niên độ tài chính tại ngày 30/06/2025**

Ban giám đốc Công ty khẳng định không có bất kỳ một nghiệp vụ, một sự kiện, một vấn đề bất thường phát sinh từ sau ngày kết thúc niên độ đến ngày lập báo cáo này có ảnh hưởng trọng yếu đến ý kiến của Ban Giám đốc, đến kết quả hoạt động của Công ty trong năm tài chính hiện hành.

2. Số liệu so sánh

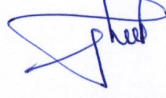
Theo số liệu kiểm toán được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Á Âu tại Nha Trang lập ngày 28/07/2024 (trừ Báo cáo lưu chuyển tiền tệ áp dụng theo phương pháp mới (Phương pháp trực tiếp) được so sánh với số liệu BCTC năm 2024 do Công ty lập tháng 03/2025).

Người lập



Lê Thị Mai Thảo

Kế toán trưởng



Lê Thị Kiều Thu

Ngày 16 tháng 07 năm 2025

Chủ tịch Hội đồng thành viên


Lê Thành Thái